

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:18/2010/NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày 13 tháng 12 năm 2010

NGHỊ QUYẾT

**Về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư
phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước tỉnh Quảng Ngãi
giai đoạn 2011-2015**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHÓA X – KỲ HỌP THỨ 25**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 60/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 60/2010/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2011-2015;

Trên cơ sở xem xét Tờ trình số 3590/TTr-UBND, ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Nghị quyết về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011-2015; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh, ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho giai đoạn 2011-2015 (có phụ lục kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp thứ 25 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2010./.

CHỦ TỊCH

Phạm Minh Toản

Phụ lục
CÁC NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ VÀ ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ VỐN
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BẰNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
TỈNH QUẢNG NGÃI GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

*(Kèm theo Nghị quyết số 18/2010/NQ-HĐND ngày 13/12/2010
của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)*

I. Nguồn vốn phân bổ

1. Xác định nguồn vốn phân bổ

Căn cứ mức vốn đầu tư phát triển (sau đây gọi tắt là vốn) nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương Chính phủ giao cho tỉnh Quảng Ngãi và ổn định trong 5 năm giai đoạn 2011-2015 (*ngoại trừ các nguồn vốn trái phiếu Chính phủ, hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương, chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình khác, thu sử dụng đất, xổ số kiến thiết*) và nguồn vượt thu ngân sách tỉnh so với dự toán HĐND tỉnh giao (nếu có).

2. Xác định tỷ lệ vốn phân bổ

Từ nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương do Trung ương giao hàng năm và nguồn vượt thu ngân sách tỉnh (nếu có), phân bổ 70% thực hiện các mục tiêu do tỉnh quản lý, 30% phân cấp cho các huyện, thành phố quản lý. Tỷ lệ này có thể được điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế các năm tiếp theo. UBND tỉnh có trách nhiệm trình HĐND tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung và quyết định để thực hiện.

Đối với các nguồn vốn xổ số kiến thiết, hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương, chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình khác, tỉnh quản lý và phân khai danh mục công trình theo đúng mục tiêu của từng chương trình, trừ một số chương trình có quy định về phân cấp riêng. Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ Trung ương giao theo danh mục.

Đối với nguồn vốn vay tín dụng ưu đãi thực hiện chương trình kiên cố hóa kênh mương, giao thông nông thôn, hạ tầng làng nghề do các huyện, thành phố đăng ký vay và trả nợ theo quy định.

II. Phân bổ vốn đầu tư phát triển do tỉnh quản lý

1. Nội dung phân bổ vốn do tỉnh quản lý

- a. Trả nợ các khoản vay ngân sách do tỉnh vay nếu có;
- b. Hỗ trợ doanh nghiệp công ích theo quy định của Bộ Tài chính;
- c. Phân bổ cho những dự án do các Sở, ngành của tỉnh quản lý;
- d. Hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho các huyện, thành phố (quy định cụ thể tại mục IV của phụ lục này).

2. Nguyên tắc bố trí vốn cho những dự án do các Sở, ngành của tỉnh quản lý

a) Thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, căn cứ Quyết định số 60/2010/QĐ-TTg ngày 30/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ, các tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển được xây dựng cho năm 2011, là cơ sở để xác định số vốn phân cấp cho các Sở, ngành, được ổn định trong 5 năm 2011-2015.

b) UBND tỉnh trình HĐND bố trí vốn cho các công trình dự án do tỉnh quản lý trên cơ sở nhu cầu đầu tư phát triển của từng ngành, lĩnh vực phù hợp với mục tiêu phát triển theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ 18 và Nghị quyết của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015.

c) Các công trình, dự án được bố trí vốn phải nằm trong quy hoạch đã được phê duyệt, có đủ thủ tục về đầu tư theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng.

d) Bố trí vốn tập trung, bảo đảm hiệu quả đầu tư. Ưu tiên bố trí vốn cho các công trình trọng điểm của tỉnh và các dự án lớn khác, các công trình, dự án hoàn thành, vốn đối ứng cho các dự án ODA, đảm bảo thời gian từ khi khởi công đến khi hoàn thành dự án nhóm B không quá 5 năm, nhóm C không quá 3 năm. Không bố trí vốn Ngân sách Nhà nước cho các dự án khi chưa xác định rõ nguồn vốn. Phải dành một phần vốn để thanh toán các khoản nợ và ứng trước năm kế hoạch.

e) Đảm bảo tính công khai, minh bạch, công bằng trong phân bổ vốn đầu tư phát triển.

III. Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn cho các huyện, thành phố quản lý.

1. Nguyên tắc phân bổ vốn của các huyện, thành phố

Trên cơ sở kế hoạch vốn phân cấp hàng năm do UBND tỉnh giao cho các huyện thành phố, UBND huyện, thành phố trình HĐND thông qua kế hoạch bảo đảm các nguyên tắc sau:

a) Bố trí vốn cho các công trình, dự án thực hiện theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ 18, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện, thành phố và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015 của của huyện, thành phố.

b) Các công trình, dự án được bố trí vốn phải nằm trong quy hoạch đã được phê duyệt, có đủ thủ tục về đầu tư theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng.

c) Ưu tiên bố trí thực hiện các công trình quan trọng, công trình cấp thiết có ảnh hưởng lớn về mặt kinh tế xã hội của địa phương.

d) Bố trí vốn tập trung, đảm bảo thời gian từ khi khởi công đến khi hoàn thành dự án nhóm B không quá 5 năm, nhóm C không quá 3 năm. Ưu tiên bố trí vốn thực hiện chương trình kiên cố hóa kênh mương, giao thông nông thôn, cụm công nghiệp làng nghề và trụ sở xã.

2. Nguyên tắc xây dựng các tiêu chí và định mức phân bổ vốn

a) Thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, căn cứ Quyết định số 60/2010/QĐ-TTg ngày 30/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ, các tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển được xây dựng cho năm 2011, là cơ sở để xác

định số vốn phân cấp cho các huyện, thành phố, được ổn định trong 5 năm 2011-2015.

b) Bảo đảm tương quan hợp lý giữa việc đầu tư phát triển đô thị, các địa phương có nguồn thu lớn với việc ưu tiên hỗ trợ các vùng miền núi, hải đảo để góp phần thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các vùng trong tỉnh.

c) Bảo đảm sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư của ngân sách nhà nước, tạo điều kiện cho các địa phương chủ động trong việc cân đối, lồng ghép các nguồn vốn ngân sách đầu tư cho địa phương, thu hút tối đa các nguồn vốn khác cho đầu tư phát triển.

d) Bảo đảm tính công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn đầu tư phát triển.

e) Mức vốn phân cấp (không bao gồm nguồn thu từ sử dụng đất) năm 2011 năm đầu của thời kỳ ổn định 2011-2015 của từng huyện, thành phố không thấp hơn số vốn kế hoạch năm 2010.

Đối với phần kinh phí tăng thêm so với năm 2010, các địa phương cần bố trí khoảng 40% giá trị tăng thêm cho các dự án phát triển nông thôn mới, phần còn lại cho nhiệm vụ đột phá của địa phương.

3. Các tiêu chí phân bổ vốn

Các tiêu chí phân bổ vốn (không bao gồm nguồn thu sử dụng đất) cho các huyện, thành phố gồm 5 nhóm sau đây:

a) Tiêu chí dân số, gồm: số dân trung bình và số người dân tộc thiểu số của các huyện, thành phố.

b) Tiêu chí về trình độ phát triển, gồm: tỷ lệ hộ nghèo, số thu nội địa (không bao gồm số thu sử dụng đất).

c) Tiêu chí diện tích, gồm: diện tích đất tự nhiên của các huyện, thành phố và tỷ lệ diện tích đất trồng lúa trên tổng diện tích đất tự nhiên.

d) Tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn, gồm: tiêu chí số đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn; số xã miền núi, hải đảo; xã nghèo bãi ngang ven biển.

e) Các tiêu chí bổ sung, bao gồm: tiêu chí thành phố; tiêu chí thị trấn quy hoạch lên thị xã; tiêu chí thị trấn.

4. Xác định số điểm của từng tiêu chí cụ thể

a) Tiêu chí dân số: bao gồm số dân trung bình và số người dân tộc thiểu số năm 2009. Cách tính cụ thể như sau:

(1) Điểm của tiêu chí dân số trung bình

Dân số trung bình	Điểm
Từ 20.000 người trở xuống	05
Trên 20.000 người, cứ 10.000 người tăng thêm được tính thêm	01

Dân số trung bình của các huyện, thành phố để tính điểm được xác định căn cứ vào số liệu Niên giám thống kê năm 2009.

(2) Điểm của tiêu chí số người dân tộc thiểu số

Số dân	Điểm
10.000 người	01

Số người dân tộc thiểu số của các huyện, thành phố để tính điểm được xác định căn cứ vào số liệu Niên giám thống kê năm 2009.

b) Tiêu chí về trình độ phát triển, bao gồm 2 tiêu chí: tỷ lệ hộ nghèo, thu nội địa (không bao gồm khoản thu sử dụng đất).

(1) Điểm của tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo	Điểm
Cứ 5% hộ nghèo	01

Tỷ lệ hộ nghèo được xác định căn cứ số liệu báo cáo của Sở Lao động Thương binh và Xã hội về tỷ lệ hộ nghèo cuối năm 2009.

(2) Điểm tiêu chí thu nội địa (không bao gồm khoản thu sử dụng đất)

Thu nội địa	Điểm
Từ 10 tỷ đồng trở xuống	05
Trên 10 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng, cứ 10 tỷ đồng tăng thêm được tính thêm	1,5
Trên 50 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng, cứ 10 tỷ đồng tăng thêm được tính thêm	1,8
Trên 100 tỷ đồng được tính thêm	20

Số thu nội địa (không bao gồm khoản thu sử dụng đất) được xác định để tính điểm căn cứ số dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2010 được UBND tỉnh giao.

c) Tiêu chí diện tích gồm 02 tiêu chí: diện tích đất tự nhiên và tỷ lệ diện tích đất trồng lúa trên tổng diện tích đất tự nhiên.

(1) Điểm diện tích tự nhiên

Diện tích đất tự nhiên	Điểm
Từ 200 km ² trở xuống	06
Trên 200 km ² đến 1.000km ² , cứ 100km ² tăng thêm được tính thêm	0,5
Trên 1.000 km ² được tính thêm	01

Diện tích đất tự nhiên xác định tính điểm lấy theo số liệu diện tích đất tự nhiên theo Niên giám thống kê năm 2009.

(2) Điểm tỷ lệ diện tích đất trồng lúa trên tổng diện tích đất tự nhiên

Tỷ lệ diện tích đất trồng lúa trên tổng diện tích đất tự nhiên	Điểm
Các địa phương có tỷ lệ diện tích đất trồng lúa đến 10% không được tính điểm	

Có tỷ lệ trồng lúa trên 10% trở lên được tính điểm theo thang điểm sau:	
Đến 20%, cứ 1% diện tích được tính	0,6
Trên 20%, cứ 1% diện tích tăng thêm được tính thêm	1,2

d) Tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn: bao gồm tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn; xã miền núi, hải đảo; xã nghèo bãi ngang ven biển.

(1) Điểm tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn

Xã phường, thị trấn	Điểm
Mỗi xã, phường, thị trấn được tính	01

Số đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn căn cứ vào số liệu báo cáo của Sở Nội vụ tỉnh vào cuối năm 2010.

(2) Điểm tiêu chí xã miền núi, hải đảo (huyện Lý Sơn)

Xã	Điểm
Mỗi xã được tính	0,5

(3) Điểm tiêu chí xã nghèo bãi ngang ven biển: 21 xã nghèo thuộc các huyện ven biển được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận.

Xã	Điểm
Mỗi xã được tính	0,5

e) Tiêu chí bổ sung

Tiêu chí bổ sung	Điểm
Thành phố	50
Thị trấn quy hoạch lên thị xã	30
Thị trấn	05

IV. Quy định về hỗ trợ từ ngân sách tỉnh cho các huyện, thành phố

Các huyện, thành phố chủ động sử dụng nguồn vốn được phân cấp, lồng ghép và huy động các nguồn vốn khác để thực hiện mục tiêu phát triển của địa phương và mục tiêu phát triển chung của tỉnh. Ngân sách tỉnh chỉ xem xét hỗ trợ từ nguồn vốn trong cân đối của tỉnh trong các trường hợp sau:

1. Các dự án khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai;
2. Các dự án đầu tư phát triển của các huyện, thành phố có tổng mức đầu tư lớn được tỉnh xem xét có ý kiến cho phép;
3. Các dự án chuyển tiếp đã được ngân sách tỉnh hỗ trợ năm 2010, ngân sách tỉnh tiếp tục hỗ trợ theo quyết định phê duyệt dự án.

V. Tổ chức thực hiện

Trên cơ sở các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011 - 2015 và quy hoạch phát triển kinh tế xã hội ngành, lĩnh vực của địa phương đã được Hội đồng nhân dân

tỉnh thông qua, các đơn vị đã được phân bổ vốn có trách nhiệm lựa chọn các công trình, dự án quan trọng, cấp thiết đảm bảo quy định để thực hiện có hiệu quả nguồn vốn đầu tư phát triển.

Trường hợp các đơn vị địa phương sử dụng vốn không đảm bảo nguyên tắc tiêu chí và định mức phân bổ, sử dụng vốn không bảo đảm hiệu quả đầu tư, sử dụng không hết vốn trong năm thì UBND tỉnh sẽ xem xét quyết định điều chỉnh vốn hoặc hạn chế vốn phân bổ trong năm kế hoạch tiếp theo./.
